

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 44 /2015/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

SỞ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....
Ngày 01 tháng 4 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Mục 3 Chương II Quyết định số 691/2010/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ↴

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VP: các PCVP, Trung tâm thông tin;
- Lưu VT, XD (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2015/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung.

Các hoạt động liên quan đến thoát nước không có trong quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động thoát nước và xử lý nước thải là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của pháp luật.

3. Chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là chi phí dịch vụ thoát nước) là các chi phí để thực hiện các nhiệm vụ thu gom, tiêu thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải tại khu vực có dịch vụ thoát nước.

4. Giá dịch vụ thoát nước là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một mét khối nước thải ($1m^3$) để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải.

5. Đơn vị thoát nước là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

6. Hộ thoát nước là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, nước ngoài sinh sống và hoạt động trên địa bàn tỉnh xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

7. Nước thải sinh hoạt là nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân ...

8. Nước thải khác là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

9. Hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước được chia làm các loại sau đây:

- Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống;

- Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước nước thải và nước mưa riêng biệt;

- Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý.

10. Điểm đầu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

11. Điểm xả là nơi xả nước từ hệ thống thoát nước ra nguồn tiếp nhận.

12. Bùn thải là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bề mặt hoại. mạng lưới thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, kênh mương, cửa thu, giếng thu nước mưa, trạm bơm nước mưa, nước thải, cửa xả và nhà máy xử lý nước thải.

13. Khu dân cư nông thôn tập trung là khu vực được quy hoạch có đông dân cư sinh sống ngoài đô thị.

Điều 3. Các thành phần của hệ thống thoát nước

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1 gồm: Hệ thống cống bao, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các mương, sông có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực.

2. Mạng lưới thoát nước cấp 2 gồm: Hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, các hồ điều hòa... đến hệ thống thoát nước cấp 1.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 3 gồm: Các cống dọc các đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát

nước cấp 1 và cấp 2.

4. Công trình trên hệ thống thoát nước gồm:

- a) Hồ kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước mưa lẻ đường, cửa tràn tách nước;
- b) Trạm bơm nước thải, nước mưa, cống liên quan tới trạm bơm;
- c) Kênh, mương, hồ điều hòa;
- d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
- e) Trạm xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;
- g) Công trình xử lý bùn cặn.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh;
- c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được phép sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho UBND tỉnh.

Điều 5. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn do mình quản lý.

2. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách là Ban quản lý xây dựng nông thôn xã do Ủy ban

nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xây dựng nông thôn xã không đủ năng lực thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

3. Ban quản lý khu kinh tế tỉnh, Ban quản lý khu đô thị mới là chủ đầu tư công trình thoát nước trên địa bàn được giao quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư. Đối với công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

Điều 6. Nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tài trợ, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ về đầu tư

Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ:

1. Được hưởng ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật;

2. Được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương (mức hỗ trợ đầu tư xây dựng tùy theo điều kiện của địa phương);

3. Các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

Mục 2

ĐIỀU KIỆN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT VỀ XẢ NƯỚC THẢI

Điều 8. Quy định quy chuẩn kỹ thuật về nước thải

1. Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung, từ các hộ thoát nước đơn lẻ xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các quy chuẩn môi trường và phải được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Nước thải từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung phải bảo đảm các quy chuẩn nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Một số Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải hiện hành:

- Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, được ban hành theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, được ban hành theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, được ban hành theo Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Quản lý bùn thải hệ thống thoát nước

1. Bùn thải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý và thuận tiện trong quản lý, vận hành bãi chôn lấp.

2. Các phương án, nội dung công việc xử lý bùn thải hệ thống thoát nước; Công nghệ xử lý và tái sử dụng bùn thải; Chất lượng bùn thải sau xử lý thực hiện theo Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Quản lý bùn thải bể tự hoại

1. Bùn thải từ các hộ gia đình, các cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được thông hút định kỳ;

2. Việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tái sử dụng bùn thải phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

3. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải bể tự hoại phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường;

4. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại phải lập hồ sơ quản lý khách hàng, lập nhật ký công tác, hồ sơ quản lý việc thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại và lập báo cáo định kỳ gửi Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, phải chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra gây ô nhiễm môi trường;

5. Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải bể tự hoại do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ.

Điều 11. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Xử lý nước thải tập trung: Nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý tập trung để tiết kiệm chi

phí xây dựng, vận hành nhà máy xử lý, đồng thời bảo đảm việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Xử lý nước thải phi tập trung:

a) Tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì cho phép xử lý phi tập trung. Việc xử lý phải đạt được hiệu quả về kinh tế và bảo vệ môi trường, hạn chế được nguồn nước thải gây ô nhiễm và giảm thiểu các tác động trực tiếp của nước thải với môi trường;

b) Hướng dẫn quản lý xử lý nước thải phi tập trung theo Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Mục 3

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 12. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo Quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Đơn vị thoát nước phải có năng lực về tài chính, nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 13. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Nội dung, thời hạn của hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và nghiệm thu, thanh toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước quy định Phụ lục 1, Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06

tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 14. Xác định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành

Giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành (gọi tắt là giá dự toán hợp đồng) được xác định để làm cơ sở lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành.

1. Nguyên tắc tính giá dự toán hợp đồng:

a) Giá dự toán hợp đồng được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý bảo đảm việc quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đáp ứng các quy chuẩn, quy trình quản lý, vận hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt;

b) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, đơn vị thoát nước và cộng đồng.

2. Căn cứ xác định giá dự toán hợp đồng:

a) Phạm vi, khối lượng công việc;

b) Quy chuẩn, quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

c) Định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

d) Điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Lập, trình phê duyệt giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

Chủ sở hữu công trình thoát nước tổ chức lập giá dự toán hợp đồng (sử dụng cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc thuê tư vấn) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thẩm quyền phê duyệt giá dự toán hợp đồng:

Sở Xây dựng thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 15. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Nội dung cơ bản của hợp đồng dịch vụ thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước quy định tại Phụ lục 2, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 16. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ các trường hợp được quy định trong hợp đồng quản lý, vận hành.

2. Đối với các hộ thoát nước vi phạm các quy định về thoát nước, đơn vị thoát nước thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước thực hiện ngừng dịch vụ thoát nước theo quy định trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra.

3. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan, đồng thời phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị quản lý, vận hành (gọi tắt là đơn vị thoát nước) có các quyền sau đây:

a) Ký hợp đồng dịch vụ với khách hàng và thực hiện mọi hoạt động theo hợp đồng dịch vụ đã ký;

b) Thực hiện công tác thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước trên địa bàn cung cấp dịch vụ;

c) Được chủ sở hữu hệ thống thoát nước giao cho thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước của các hộ thoát nước;

d) Nhận thanh toán đúng thời hạn đã quy định trong hợp đồng quản lý vận hành, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài chính do việc thanh toán chậm gây ra đã được cụ thể hóa theo hợp đồng;

đ) Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch thoát nước trên địa bàn quản lý;

e) Đề nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xem xét, bổ sung và sửa đổi quy phạm, quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật, chính sách có liên quan tới các hoạt động thoát nước;

g) Báo cáo với chủ sở hữu và đề nghị các cơ quan hữu quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức và cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại tới hoạt động thoát nước.

2. Nghĩa vụ của đơn vị thoát nước gồm:

a) Vận hành và bảo dưỡng hệ thống thoát nước, bảo đảm việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cho khách hàng cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng quản lý, vận hành và hợp đồng dịch vụ đã ký;

b) Đơn vị thoát nước phải cung cấp thông tin thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu. Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước, ký kết các hợp đồng dịch vụ với khách hàng; giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của khách hàng;

c) Quản lý các tài sản do chủ sở hữu giao, thường xuyên theo dõi hoạt động của các công trình thoát nước và báo cáo với chủ sở hữu tài sản, sửa chữa kịp thời các trục trặc hư hỏng;

d) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

đ) Bồi thường thiệt hại gây ra cho khách hàng theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ;

e) Theo dõi, thiết lập cơ sở dữ liệu các hộ thoát nước đấu nối vào hệ thống thoát nước do mình quản lý;

g) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước hàng năm hoặc đột xuất trình chủ sở hữu phê duyệt;

h) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc lập phương án giá dịch vụ thoát nước.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước

1. Hộ thoát nước có các quyền sau:

a) Các hộ thoát nước phải được ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị thoát nước trước khi tiến hành đấu nối vào hệ thống thoát nước;

b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan.

2. Hộ thoát nước có nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;

b) Xả nước thải vào hệ thống đúng quy định, quy chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

d) Đấu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đấu nối;

đ) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của

pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 4

ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 19. Quy định về điểm đầu nối hệ thống thoát nước

1. Đơn vị thoát nước phải thiết lập các điểm đầu nối cho hệ thống thoát nước vào mạng lưới thu gom nước thải của hệ thống thoát nước.

2. Vị trí điểm đầu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm cung cấp các số liệu bằng văn bản về vị trí, cao độ và yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối hệ thống thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 20. Các yêu cầu về cao độ của điểm đầu nối

1. Cao độ của điểm đầu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hệ thống thoát nước đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước cộng cộng không chảy ngược vào.

2. Tại vị trí điểm đầu nối phải bố trí hộp đầu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đầu nối.

Điều 21. Quy định về hộp đầu nối

Hộp đầu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước, tại vị trí điểm đầu nối và đặt trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công và đất tư của mỗi hộ thoát nước. Nước thải của các hộ thoát nước được chuyển tải từ hộp đầu nối đến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1 của mạng lưới thoát nước.

Điều 22. Thời điểm đầu nối

1. Đối với khu vực xây dựng hệ thống thoát nước mới, tất cả các hộ thoát nước nằm trong khu vực có dịch vụ thoát nước được yêu cầu và có nghĩa vụ đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của hệ thống thoát nước khi công trình hoàn thành, trừ trường hợp gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

2. Các công trình xây dựng mới nằm trong khu vực có hệ thống thoát nước tập trung bắt buộc phải tiến hành đầu nối ngay vào hệ thống thoát nước theo quy trình và thủ tục đầu nối quy định tại Quy định này.

Điều 23. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

Các hộ thoát nước thực hiện đầu nối trước thời điểm nhà máy xử lý nước thải của hệ thống thoát nước đô thị hoạt động chính thức thì phải có bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị.

Các hộ thoát nước được phép xả nước thải sinh hoạt trực tiếp vào công thoát nước tại điểm đầu nối sau khi nhà máy xử lý nước thải của hệ thống thoát nước hoàn thành.

2. Đối với nước thải khác:

Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn vệ sinh môi trường và phải được đơn vị thoát nước kiểm tra, cho phép trước khi xả vào điểm đầu nối.

Điều 24. Nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đấu nối

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước chịu mọi kinh phí xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến công cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

2. Hộ thoát nước tự lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, tự chịu chi phí để tổ chức thi công cải tạo và đấu nối hệ thống thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở của mình đến điểm đầu nối, hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

Đối với các hộ gia đình có công, gia đình nghèo theo các tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu hệ thống thoát nước quyết định phương thức và mức hỗ trợ đấu nối hệ thống thoát nước cho các đối tượng cụ thể.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm đấu nối hệ thống thoát nước

1. Hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống thoát nước có quyền và nghĩa vụ đấu nối vào hệ thống thoát nước trừ trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối tại Điều 27 Quy định này.

2. Đơn vị thoát nước thỏa thuận đấu nối cho hộ thoát nước khi có hồ sơ đề xuất đấu nối. Cung cấp thông tin thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu.

Điều 26. Thỏa thuận đấu nối

Thỏa thuận đấu nối là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước xả thải vào điểm đấu nối.

Điều 27. Quy định về miễn trừ đấu nối

Các trường hợp miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước gồm:

1. Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đấu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước;

2. Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

Mục 5

GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 28. Giá dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng đối với khu công nghiệp, giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định mức giá (trước khi quyết định phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và Sở Tài chính)

3. Việc định giá dịch vụ thoát nước phải căn cứ vào khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải. Phương pháp định giá dịch vụ thoát nước theo Hướng dẫn tại Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng.

4. Giá dịch vụ thoát nước được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ xử lý nước thải, chất lượng dịch vụ;

b) Khi có sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, định mức kinh tế kỹ thuật;

c) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thu nhập của người dân có thay đổi.

Điều 29. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập phương án giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập phương án giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Mục 6

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 30. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Thẩm định dự toán duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh;

c) Công bố bổ sung các định mức, đơn giá dịch vụ thoát nước đô thị còn thiếu hoặc chưa phù hợp trên địa bàn tỉnh để áp dụng; Hướng dẫn và quy định về thủ tục pháp lý có liên quan đến việc đầu nối nước thải trong công tác cấp phép xây dựng, sửa chữa công trình và nhà ở riêng lẻ;

d) Thẩm định các dự án xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

đ) Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị theo quy định;

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải đô thị theo quy định;

g) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh về số liệu, tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước;

b) Giám sát và đánh giá mức độ ô nhiễm nguồn nước tại các điểm xả của hệ thống thoát nước;

c) Tiếp nhận, thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định hiện hành của UBND tỉnh;

d) Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án xây dựng hệ thống thoát nước thuộc Danh mục phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước;

c) Tham gia ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

d) Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến

khích đầu tư cho lĩnh vực thoát nước đô thị và xử lý nước thải;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Bảo đảm cân đối nhu cầu vốn để quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống thoát nước phù hợp với yêu cầu phát triển;

d) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải;

b) Phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt;

b) Tổ chức lấy ý kiến, thẩm định công nghệ xử lý nước thải của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước đô thị và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Y tế:

a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc giám sát chất lượng nước thải của các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung;

b) Hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước thải y tế hiện hành.

8. Công an tỉnh:

Giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực thi, xử lý các vi phạm pháp luật trong các hoạt động thoát nước.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

a) Tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý theo quy định;

c) Kiểm tra việc xây dựng theo quy hoạch của nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước đối với hệ thống thoát nước được giao làm chủ sở hữu; Lập dự toán chi phí vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt; Lập phương án giá dịch vụ thoát nước gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Ký hợp đồng quản lý, vận hành, và tổ chức giám sát, nghiệm thu, thanh toán cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Hướng dẫn các tổ chức, các hộ dân, cá nhân bảo vệ hệ thống thoát nước, phát hiện kịp thời và ngăn chặn các vi phạm có ảnh hưởng xấu tới môi trường và nguồn nước, làm hư hỏng, phá hủy các công trình thoát nước;

3. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ban hành quyết định về việc đầu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước tập trung thuộc phạm vi dự án xây dựng mới hoặc cải tạo công trình thoát nước trên địa bàn mình quản lý và thông báo cho cộng đồng dân cư thuộc phạm vi dự án biết.

5. Chỉ đạo cơ quan quản lý về môi trường cấp huyện thực hiện việc tổ chức kiểm tra đối với việc đề nghị miễn trừ đầu nối của các hộ thoát nước thuộc phạm vi quản lý.

6. Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về thoát nước đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn quản lý theo quy định. Cung cấp, bàn giao 01 bộ hồ sơ, dữ liệu thoát nước đô thị của các dự án trên địa bàn quản lý cho Sở Xây dựng quản lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu cung cấp.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được giao làm chủ sở hữu gồm: Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước đối với hệ thống thoát nước được giao làm chủ sở hữu; Lập dự toán chi phí vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt; Ký hợp đồng quản lý, vận hành và tổ chức giám sát, nghiệm thu, thanh toán cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

3. Báo cáo kịp thời cho UBND cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này; hướng dẫn các tổ chức và hộ thoát nước ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản của Quy định này.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Giám đốc các Sở chuyên ngành liên quan, Giám đốc đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có trách nhiệm quản lý nước thải trên địa bàn theo các quy định trong Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có phát sinh, vướng mắc, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, giải quyết./.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh